PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG SỬ DỤNG TỪ HÁN VIỆT CHO HỌC SINH LỚP 5 - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

NGUYỄN THÀNH LUÂN
Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Tân Thới, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương,
LÊ SAO MAI
Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

Nhận bài ngày 02/3/2025. Sửa chữa xong 10/3/2025. Duyệt đăng 19/3/2025.

Abstract

The study at Tuy An Primary School (Thuận An City, Bình Dương) highlights difficulties fifth-grade students encounter in recognizing, explaining, and using Sino-Vietnamese words. To address this issue, the research proposes a three-tier system of exercises, integration with reading, writing, and speaking skills, and the application of mind maps, educational games, and technology in instruction. Additionally, it underscores the importance of real-life practice to enhance students' proficiency and adaptability in using Sino-Vietnamese vocabulary.

Keywords: *Sino-Vietnamese words, linguistic skills, Vietnamese language instruction, teaching methods, fifth-grade students.*

1. Đặt vấn đề

Tác giả Nguyễn Như Ý (2003) trong "Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học" định nghĩa từ Hán Việt là "*Từ tiếng Việt có nguồn gốc từ tiếng Hán, đã nhập vào hệ thống từ vựng tiếng Việt, chịu sự chi phối của các quy luật ngữ âm, ngữ pháp và ngữ nghĩa của tiếng Việt; còn gọi là từ Việt gốc Hán*" [1, tr. 369]. Lớp từ này không chỉ góp phần mở rộng vốn từ vựng mà còn nâng cao tính chính xác, biểu cảm và trang trọng trong diễn đạt ngôn ngữ. Trong giáo dục tiểu học, việc sử dụng từ Hán Việt đúng cách có vai trò quan trọng trong phát triển kĩ năng ngôn ngữ của học sinh (HS), đồng thời hỗ trợ học tập các môn khác như Lịch sử, Khoa học, Đạo đức. Tuy nhiên, thực tế giảng dạy cho thấy HS lớp 5 còn gặp nhiều khó khăn trong việc nhận diện, hiểu nghĩa và sử dụng từ Hán Việt một cách linh hoạt. Nguyên nhân chủ yếu do tài liệu giảng dạy chưa cung cấp hệ thống bài tập chuyên sâu, phương pháp dạy học chưa thực sự kích thích hứng thú và tính chủ động của HS. Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (2018) [2] nhấn mạnh phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS, trong đó có nội dung về từ Hán Việt. Xuất phát từ thực tiễn trên, nghiên cứu tập trung khảo sát thực trạng kĩ năng sử dụng từ Hán Việt của HS lớp 5, đồng thời đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả dạy và học nội dung này. Kết quả nghiên cứu không chỉ góp phần cải thiện chất lượng giảng dạy từ Hán Việt ở tiểu học mà còn xây dựng phương pháp tiếp cận hiệu quả hơn trong dạy học từ vựng tiếng Việt.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng kĩ năng sử dụng từ Hán Việt của học sinh lớp 5

2.1.1. Đối tượng và phạm vi khảo sát

Để đánh giá thực trạng kĩ năng sử dụng từ Hán Việt của HS lớp 5, chúng tôi đã tiến hành khảo sát tại Trường Tiểu học Tuy An, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương. Số lượng đối tượng khảo sát: 6 giáo viên (GV) dạy Tiếng Việt lớp 5 tại trường; 92 HS lớp 5 thuộc 3 lớp (lớp 5A, 5B, 5C).

2.1.2. Nội dung khảo sát và phương pháp thu thập dữ liệu

Bài viết đã sử dụng các phương pháp khảo sát khác nhau để thu thập dữ liệu khách quan về thực

Email: nguyenthanhluanth96@gmail.com

trạng sử dụng từ Hán Việt của HS, bao gồm: *a. Quan sát tiết dạy thực tế*: để ghi nhận cách GV giảng dạy từ Hán Việt trong môn Tiếng Việt, đồng thời đánh giá mức độ tiếp thu và phản ứng của HS khi học nội dung này; *b. Phỏng vấn và dùng phiếu khảo sát GV*: để tìm hiểu phương pháp giảng dạy từ Hán Việt mà GV đang áp dụng và nhận diện những khó khăn trong quá trình giảng dạy; *c. Phát phiếu khảo sát HS*: đánh giá khả năng nhận diện, hiểu nghĩa và sử dụng từ Hán Việt trong văn bản đồng thời kiểm tra mức độ HS chủ động sử dụng từ Hán Việt trong giao tiếp và viết văn; *d. Kiểm tra thực nghiệm trình độ HS*: yêu cầu HS thực hiện bài tập nhận diện, giải thích nghĩa và sử dụng từ Hán Việt, từ đây so sánh kết quả giữa các lớp để có cái nhìn tổng quát về thực trạng học tập.

2.1.3. Kết quả khảo sát thực trạng sử dụng từ Hán Việt của học sinh lớp 5

Dựa trên kết quả khảo sát, chúng tôi thu được các số liệu và nhận xét sau:

a. Khả năng nhận diện từ Hán Việt: Cho HS đọc một đoạn văn có chứa 10 từ Hán Việt thông dụng (ví dụ: *giáo dục, trách nhiệm, nhân dân, truyền thống, bảo vệ*...), yêu cầu gạch chân từ Hán Việt và phân biệt với từ thuần Việt.

Nhóm HS	Số lượng (trên tổng 92 HS)	Tỉ lệ (%)
Nhận diện đúng trên 80% từ Hán Việt	28	30,4%
Nhận diện đúng 50% - 80% từ Hán Việt	40	43,5%
Nhận diện đúng dưới 50% từ Hán Việt	24	26.1%

Bảng 1: Kết quả nhận diện từ Hán Việt của HS lớp 5

Có thể thấy, về khả năng nhận diện từ Hán Việt của HS lớp 5: Đa số HS (73,9%) chưa thể nhận diện chính xác toàn bộ từ Hán Việt trong văn bản. HS thường nhận diện sai các từ có nghĩa trừu tượng như *truyền thống, trách nhiệm, tư duy*.

b. Khả năng giải thích nghĩa từ Hán Việt: HS được yêu cầu giải thích nghĩa của 5 từ Hán Việt (*nhân hậu, trí tuệ, sáng tạo, tinh thần, lãnh đạo*). Kết quả thu được như sau:

Nhóm HS	Số lượng (trên tổng 92 HS)	Tỉ lệ (%)
Giải thích chính xác 4-5 từ	19	20,7%
Giải thích đúng 2-3 từ	37	40,2%
Giải thích sai hoặc không biết nghĩa	36	39,1%

Bảng 2: Khả năng giải thích nghĩa từ Hán Việt của HS lớp 5

Nhận xét về khả năng giải thích nghĩa từ Hán Việt của HS lớp 5: Chỉ 20,7% HS có thể giải thích chính xác gần như toàn bộ từ Hán Việt. Gần 40% HS gặp khó khăn trong việc giải nghĩa từ Hán Việt, nguyên nhân chủ yếu là chưa hiểu rõ cấu tạo từ và không biết cách phân tích nghĩa theo yếu tố Hán Việt.

c. Khả năng sử dụng từ Hán Việt trong câu và đoạn văn: HS được yêu cầu viết 5 câu có chứa từ Hán Việt cho sẵn (*truyền thống, tinh thần, trách nhiệm, giáo dục, nhân hậu*) và một đoạn văn ngắn. Kết quả thu được ở bảng 3.

Nhóm HS	Số lượng (trên tổng 92 HS)	Tỉ lệ (%)
Viết đúng cả 5 câu, sử dụng từ hợp lý	26	28,3%
Viết 2-4 câu đúng nghĩa nhưng chưa mượt mà	39	42,4%
Viết sai hoặc không thể đặt câu hợp lý	27	29,3%

Bảng 3: Khả năng sử dụng từ Hán Việt trong câu và đoạn văn

Nhận xét về khả năng sử dụng từ Hán Việt trong câu và đoạn văn của HS lớp 5: Chỉ 28,3% HS có thể viết đúng câu và đoạn văn chứa từ Hán Việt, cho thấy HS chưa có thói quen sử dụng từ Hán Việt trong diễn đạt. 42,4% HS viết câu có từ Hán Việt nhưng chưa linh hoạt, thường chỉ thay thế máy móc từ thuần Việt. Còn 29,3% HS không thể đặt câu đúng, phần lớn do không hiểu rõ sắc thái nghĩa của từ.

d. Nhận xét từ GV về việc giảng dạy từ Hán Việt: Chúng tôi cũng tiến hành khảo sát GV về quá trình dạy từ Hán Viêt cho HS lớp 5, những nội dung thu được như sau:

Nội dung khảo sát	Số GV đồng ý (trên 6 GV)	Tỉ lệ (%)
Nội dung giảng dạy từ Hán Việt trong SGK còn hạn chế, chỉ xuất hiện rải rác trong một số bài học	4	66,7%
Thiếu tài liệu hỗ trợ giảng dạy từ Hán Việt, bài tập luyện tập chưa phong phú.	5	83,3%
HS ít tiếp xúc với từ Hán Việt ngoài đời sống, khó ứng dụng vào giao tiếp.	3	50%
HS không thích học từ Hán Việt vì khó nhớ, khó hiểu.	3	50%
Cần có hệ thống bài tập bài bản giúp HS nhận diện và sử dụng từ Hán Việt hiệu quả hơn.	6	100%

Bảng 4: Nhận xét của GV về nội dung dạy học từ Hán Việt

Có thể đưa ra các nhận xét: Phần lớn GV (66,7%) nhận thấy nội dung dạy từ Hán Việt trong SGK chưa đầy đủ, chưa có hệ thống bài tập phù hợp. 83,3% GV gặp khó khăn vì thiếu tài liệu hỗ trợ, dẫn đến việc giảng dạy chủ yếu dựa vào bài học có sẵn trong SGK. 50% GV cho rằng HS ít tiếp xúc với từ Hán Việt ngoài thực tế, gây khó khăn khi sử dụng trong giao tiếp và bài viết. 100% GV đồng ý rằng cần một hệ thống bài tập khoa học hơn để nâng cao kĩ năng sử dụng từ Hán Việt cho HS.

2.1.4. Tổng kết thực trạng kĩ năng sử dụng từ Hán Việt của học sinh lớp 5

Kết quả khảo sát cho thấy HS lớp 5 bước đầu có khả năng nhận diện từ Hán Việt trong văn bản, song mức độ chưa đồng đều. Một số em có thể suy luận nghĩa qua ngữ cảnh hoặc so sánh với từ thuần Việt nhưng tỷ lệ này còn thấp. Đáng chú ý, chỉ 20,7% HS giải thích chính xác nghĩa từ Hán Việt, trong khi phần lớn ít sử dụng loại từ này trong bài viết và giao tiếp, dẫn đến hạn chế về diễn đạt. Bên cạnh đó, GV gặp khó khăn do thiếu tài liệu giảng dạy phù hợp. Những hạn chế này đòi hỏi các biện pháp giảng dạy hiệu quả hơn nhằm nâng cao kĩ năng nhận diện, hiểu và sử dụng từ Hán Việt một cách hệ thống, góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ của HS.

2.2. Giải pháp phát triển kĩ năng sử dụng từ Hán Việt cho học sinh lớp 5

Dựa trên thực trạng khảo sát, chúng tôi đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao kĩ năng sử dụng từ Hán Việt cho HS lớp 5, bao gồm:

2.2.1. Xây dựng hệ thống bài tập theo ba cấp độ

Để giúp HS rèn luyện kĩ năng sử dụng từ Hán Việt cần xây dựng hệ thống bài tập theo ba cấp độ từ cơ bản đến nâng cao. Trước hết, *ở mức độ nhận diện*, HS cần được hướng dẫn để nhận biết từ Hán Việt trong văn bản và phân biệt với từ thuần Việt. Đây là bước nền tảng giúp các em có cái nhìn rõ ràng về đặc điểm của từ Hán Việt. Tiếp theo, *ở mức độ thực hành sử dụng*, HS sẽ thực hiện các bài tập điền từ Hán Việt vào câu, đặt câu với từ Hán Việt hoặc sửa lỗi dùng từ trong văn bản. Việc luyện tập này giúp các em hiểu rõ hơn về cách sử dụng từ Hán Việt trong ngữ cảnh cụ thể. Cuối cùng, *ở mức độ vận dụng nâng cao*, HS sẽ được yêu cầu viết đoạn văn hoặc bài văn có sử dụng từ Hán Việt một cách tự nhiên, đồng thời tham gia các hoạt động thuyết trình về một chủ đề có tích hợp từ Hán Việt. Hệ thống bài tập này không chỉ giúp HS nhận diện và hiểu nghĩa từ Hán Việt mà còn rèn luyện khả năng sử dụng linh hoạt trong giao tiếp và viết văn.

Chúng tôi đã tiến hành xây dựng hệ thống bài tập nhận diện và sử dụng từ Hán Việt lớp 5, đồng thời chia ra thành những dạng nhỏ trong bảng dưới đây. Sự phân chia này chỉ có tính chất tương đối nhằm giúp GV dễ dàng lựa chọn bài tập phù hợp cho các hoạt động dạy học của mình.

STT	Dạng bài tập	Ghi chú
1	**Bài tập nhận diện từ Hán Việt**	
1.1	Bài tập xác định từ Hán Việt	
1.2	Bài tập giải nghĩa từ Hán Việt	
1.3	Bài tập phân tích cấu tạo từ Hán Việt	
2	**Bài tập thực hành sử dụng từ Hán Việt**	
2.1	Bài tập hệ thống hóa vốn từ Hán Việt	
2.2	Bài tập sử dụng từ Hán Việt	

2.3	Bài tập chữa lỗi từ Hán Việt	
3	**Bài tập vận dụng nâng cao**	
3.1	Bài tập sáng tạo vận dụng từ Hán Việt	
3.2	Bài tập tổng hợp sử dụng từ Hán Việt	

Bảng 5: Tổng hợp các dạng bài tập về từ Hán Việt cho HS lớp 5

Một số ví dụ minh họa cho từng dạng bài tập trên:

a. Dạng bài tập nhận diện từ Hán Việt

Bài tập 1 (BT1): Cho đoạn văn sau: "*Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của mỗi cá nhân. Mỗi hành động nhỏ đều có thể góp phần bảo tồn sự sống cho thế hệ mai sau. Chúng ta cần chung tay bảo vệ môi trường để giữ gìn sự sống cho các thế hệ tương lai*".

a. Gạch chân các từ Hán Việt có trong đoạn văn trên. b. Giải nghĩa các từ Hán Việt vừa tìm được.

BT2: Em hãy chọn từ đúng là từ Hán Việt trong các cặp từ sau:

a. Đoàn thể, tổ hợp *b. Cây cối, rừng núi*

c. Văn hóa, sinh vật *d. Hòa bình, xung đột*

BT3: Chọn từ Hán Việt thích hợp để điền vào chỗ trống trong các câu sau:

a. Chúng em vô cùng _____ khi giành được giải nhất trong cuộc thi vẽ tranh về môi trường.

b. Trường học luôn là nơi giúp HS tích lũy nhiều _____ quan trọng.

c. Bác Hồ là tấm gương đạo đức mà chúng em luôn _____ và noi theo.

d. Cô giáo dặn chúng em phải sống _____ với bạn bè, không tranh cãi, hơn thua.

Từ gợi ý: tri thức, vinh dự, kính trọng, hòa thuận, công bố.

BT4: Hãy phân tích các từ Hán Việt sau đây thành các yếu tố nhỏ hơn và giải thích ý nghĩa của từng yếu tố.

a. Tự lập *b. Chân lý* *c. Kinh nghiệm* *b. Dạng bài tập thực hành sử dụng từ Hán Việt*

BT1: Tìm các từ Hán Việt thuộc chủ đề "*giáo dục*", "*thiên nhiên*", "*xã hội*".

BT2: Em hãy viết lời cảm ơn sau một sự kiện quan trọng, sử dụng từ Hán Việt như: *trân trọng, kính gửi, chúc mừng*.

BT3: Ghép các yếu tố sau để tạo thành từ Hán Việt có nghĩa:

a. "Thành" + ... (Gợi ý: *thành phố*) b. "Học" + ... (Gợi ý: *HS*) c. "Phát"+ ... (Gợi ý: *phát triển)*

BT4: Em hãy điền từ Hán Việt vào chỗ trống sao cho câu hoàn chỉnh và có ý nghĩa.

1. Mẹ em là một người rất _____. 2. Cuối tuần, em sẽ đi tham quan _____.

3. Khi em làm bài tập về nhà, em cần phải _____. 4. Nhà văn nổi tiếng này có rất nhiều _____.

BT5: Trong các câu sau, một số từ Hán Việt chưa được sử dụng đúng. Hãy tìm từ sai và thay thế bằng từ đúng.

a. Trường em vừa tổ chức lễ khai mạc năm học mới. b. Sau buổi thi, bạn An rất tự mãn về bài làm của mình.

c. Ông tôi là người có rất nhiều học lực về lịch sử dân tộc. d. Chị em luôn yêu thương và đối lập với nhau.

c. Dạng bài tập vận dụng nâng cao từ Hán Việt

BT1: Tập làm nhà báo nhí - Viết bản tin có sử dụng từ Hán Việt.

Yêu cầu: Em hãy đóng vai một nhà báo nhí và viết một bản tin ngắn (5 - 7 câu) về một sự kiện trong trường (ví dụ: *Ngày hội đọc sách, Đại hội Liên đội, Ngày Nhà giáo Việt Nam*…). Trong bản tin, em cần sử dụng ít nhất 5 từ Hán Việt.

BT2: Hành trình khám phá từ Hán Việt.

Yêu cầu: Hãy tưởng tượng em là một nhà thám hiểm đang khám phá "*Thành phố từ Hán Việt*", em sẽ gặp các bảng chỉ dẫn ghi các từ Hán Việt và nhiệm vụ của em là:

a. Giải thích nghĩa của từ. b. Đặt một câu với từ đó. c. Vẽ một bức tranh minh họa cho từ em thích nhất.

BT3: Em hãy thực hiện các yêu cầu sau:

a. Viết đoạn giới thiệu một nhân vật trong cuốn sách em đã đọc trong đó có sử dụng từ Hán Việt.

b. Phân tích, giải nghĩa từ Hán Việt em đã sử dụng trong đoạn văn.

BT4: Cho đoạn văn sau: "Trong hang Sơn Đoòng, có một khu rừng nguyên sinh tuyệt đẹp với thảm thực vật phong phú, khác lạ. Cây cối ở đây khá mỏng manh, dù là cây thân gỗ. Sơn Đoòng còn là nơi trú ngụ của nhiều loài động vật, trong đó có một số loài cá, nhện, cuốn chiếu, bọ cạp,... với đặc điểm chung là không có mắt và cơ thể trong suốt.

Vẫn còn những điều bí ẩn về hang động lớn nhất hành tinh này chưa được giải mã. Liệu những điều trên có đủ khiến bạn muốn đặt chân tới nơi này một lần trong đời?" (Trích từ Tiếng Việt 5 tập 01, sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, Chủ điểm "*Thiên nhiên kì thú*").

a. Tìm các từ Hán Việt trong đoạn văn trên. b. Phân tích, giải nghĩa từ Hán Việt vừa tìm được.

c. Đặt câu với các từ Hán Việt vừa tìm được.

BT5: Trong bài "*Thư gửi các HS*" của Chủ tịch Hồ Chí Minh, HS được yêu cầu thực hiện bài tập nhận diện từ Hán Việt theo các bước:

a. Gạch chân các từ Hán Việt trong đoạn văn sau: "Ngày hôm nay là một ngày quan trọng: Ngày khai trường của các em. Vì lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người, tôi gửi lời chào thân ái đến các em HS yêu quý."

b. Phân tích nghĩa của từ Hán Việt đã tìm được (Ví dụ: *Quan trọng*: quan = liên quan đến; trọng = lớn, nặng → có ý nghĩa lớn).

c. So sánh với từ thuần Việt (nếu có): (Ví dụ: *Quan trọng* → có thể thay bằng rất cần thiết (thuần Việt)).

d. Đặt câu với các từ Hán Việt em tìm được.

=> Các dạng bài tập giúp HS hình thành các bước nhận diện và vận dụng sử dụng từ Hán Việt trong cả văn bản và giao tiếp, như: nhận diện từ Hán Việt, đồng thời phân biệt với từ thuần Việt, phân tích cách cấu tạo từ Hán Việt, mở rộng vốn từ Hán Việt … từ đó dễ dàng ghi nhớ và sử dụng đúng trong thực tế, góp phần sử dụng linh hoạt từ Hán Việt và hình thành thói quen lựa chọn sử dụng từ Hán Việt phù hợp để tăng hiệu quả sử dụng ngôn ngữ.

2.2.2. Kết hợp dạy từ Hán Việt với các kĩ năng đọc - viết - nói

Việc dạy từ Hán Việt không nên diễn ra một cách tách biệt mà cần được lồng ghép vào các kĩ năng ngôn ngữ như đọc, viết và nói để tạo sự liên kết chặt chẽ. Trong hoạt động đọc hiểu, GV cần hướng dẫn HS phân tích nghĩa của từ Hán Việt xuất hiện trong văn bản, giúp các em hiểu rõ ý nghĩa và sắc thái của từ. Khi rèn kĩ năng viết, HS được khuyến khích sử dụng từ Hán Việt phù hợp để tăng tính biểu cảm, logic và sự trang trọng cho bài văn. Ngoài ra, trong giao tiếp, GV có thể tổ chức các hoạt động thảo luận, đóng vai hoặc kể chuyện, trong đó yêu cầu HS sử dụng từ Hán Việt một cách tự nhiên. Việc kết hợp từ Hán Việt với các kĩ năng ngôn ngữ không chỉ giúp HS mở rộng vốn từ mà còn tạo điều kiện cho các em áp dụng vào thực tế, nâng cao hiệu quả sử dụng ngôn ngữ.

Ví dụ: Luyện tập sử dụng từ Hán Việt trong viết văn

Đề bài: Viết một đoạn văn miêu tả một người mà em kính trọng, trong đó có sử dụng ít nhất 3 từ Hán Việt. Gợi ý bài mẫu: "*Người mà em kính trọng nhất là cô giáo của em. Cô là một người hiền hậu, luôn ân cần dạy dỗ HS bằng cả tấm lòng. Trong từng bài giảng, cô không chỉ giúp chúng em hiểu bài mà còn rèn luyện cho chúng em lòng nhân ái và ý thức trách nhiệm. Cô luôn nhắc nhở chúng em phải biết tôn trọng mọi người xung quanh, chăm chỉ học tập để trở thành những công dân có ích cho xã hội.*"

=> GV giúp HS nhận diện và phân tích các từ Hán Việt trong bài viết (hiền hậu, nhân ái, trách nhiệm), từ đó hướng dẫn cách sử dụng chúng một cách tự nhiên và hợp lý.

2.2.3. Đổi mới phương pháp dạy học từ Hán Việt

Bên cạnh việc xây dựng hệ thống bài tập phù hợp GV cần đổi mới phương pháp dạy học để tạo hứng thú và nâng cao hiệu quả tiếp thu từ Hán Việt cho HS. Một trong những cách tiếp cận hiệu quả là sử dụng sơ đồ tư duy giúp HS phân tích cấu tạo và nghĩa của từ Hán Việt một cách trực quan. Thông qua sơ đồ này, HS có thể thấy rõ mối quan hệ giữa các từ và ghi nhớ dễ dàng hơn. Ngoài ra, dạy học qua trò chơi cũng là một phương pháp hữu ích, có thể áp dụng các hình thức như giải ô chữ, thi tìm từ Hán Việt theo chủ đề hoặc trò

chơi ghép nghĩa từ. Bên cạnh đó, ứng dụng công nghệ trong dạy học cũng mang lại nhiều lợi ích. GV có thể sử dụng các phần mềm học tập trực tuyến hoặc từ điển số để HS tra cứu và thực hành với từ Hán Việt một cách thuận tiện. Những phương pháp đổi mới này không chỉ giúp HS tiếp thu bài học một cách chủ động mà còn tạo động lực cho các em trong quá trình học tập. Ví dụ: Dạy từ Hán Việt bằng sơ đồ tư duy.

- Khi dạy từ "*học*", GV hướng dẫn HS vẽ sơ đồ tư duy như sau:

Từ trung tâm: *Học*.

HS→người đi học; *Học tập*→quá trình tiếp thu kiến thức; *Giáo dục*→quá trình truyền đạt và tiếp thu tri thức; *Học hỏi*→tìm hiểu, khám phá kiến thức từ người khác; *Học đường*→nơi diễn ra hoạt động học tập (trường học).

- Sau đó, GV đặt câu hỏi: + Em thấy từ *học tập* và *học hỏi* khác nhau thế nào?; + Từ *giáo dục* có nghĩa rộng hơn từ *học* không?

=> Phương pháp sơ đồ tư duy giúp HS hình dung mối quan hệ giữa các từ Hán Việt, từ đó ghi nhớ dễ dàng và sử dụng đúng ngữ cảnh.

2.2.4. Tăng cường thực hành từ Hán Việt trong thực tế

Để giúp HS sử dụng thành thạo từ Hán Việt GV cần tăng cường các hoạt động thực hành trong thực tế. HS nên được khuyến khích sử dụng từ Hán Việt trong các bài tập thực hành viết và nói, giúp các em hình thành thói quen vận dụng vào giao tiếp hàng ngày. Ngoài ra, việc lồng ghép từ Hán Việt vào các hoạt động ngoại khóa như diễn kịch, thi hùng biện, sáng tác thơ ca hay các chương trình văn nghệ cũng là cách hiệu quả để HS tiếp xúc và rèn luyện kĩ năng sử dụng từ Hán Việt một cách tự nhiên. Khi được thực hành thường xuyên trong các tình huống thực tế, HS không chỉ nâng cao khả năng sử dụng ngôn ngữ mà còn hiểu rõ hơn về giá trị của từ Hán Việt trong đời sống và văn học.

Ví dụ: Lồng ghép từ Hán Việt vào hoạt động ngoại khóa. Trong buổi sinh hoạt chủ đề "*Uống nước nhớ nguồn*", HS được giao nhiệm vụ: a. Tìm hiểu và trình bày về một nhân vật lịch sử có công với đất nước (*ví dụ: Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi*); b. Viết một bài cảm nghĩ ngắn, trong đó sử dụng ít nhất 5 từ Hán Việt như *công lao, chiến thắng, anh hùng, hy sinh, truyền thống*; c. Thảo luận nhóm về ý nghĩa của câu tục ngữ "*Uống nước nhớ nguồn*" và chia sẻ suy nghĩ của mình.

=> Bằng cách tham gia các hoạt động thực tế, HS không chỉ nhớ lâu hơn mà còn thấy được giá trị của từ Hán Việt trong đời sống và văn học.

3. Kết luận

Từ kết quả khảo sát cho thấy, HS lớp 5 vẫn gặp nhiều khó khăn trong việc nhận diện, giải thích và sử dụng từ Hán Việt, đặc biệt với các từ mang nghĩa trừu tượng. Bởi tỉ lệ từ Hán Việt được giải nghĩa quá thấp so với vốn từ được cung cấp. Điều này làm cho sự tiếp nhận của HS khó khăn hơn. Hán Việt là loại từ khó hiểu, không được giải nghĩa, HS khó nắm được nghĩa của từ và nội dung bài học nên chất lượng học không cao. Tuy vậy, mức độ giải nghĩa từ Hán Việt nói chung chính xác, phù hợp với ngữ cảnh mà nó được dùng. Nguyên nhân chính xuất phát từ nội dung giảng dạy chưa hệ thống, ngữ liệu và bài tập còn hạn chế, cùng với việc thiếu cơ hội thực hành. Để khắc phục, nghiên cứu đề xuất hệ thống bài tập theo ba cấp độ, kết hợp giảng dạy từ Hán Việt với các kĩ năng đọc - viết - nói, đổi mới phương pháp dạy học và tăng cường thực hành trong thực tế. Những giải pháp này không chỉ giúp HS hiểu sâu sắc hơn về từ Hán Việt mà còn nâng cao khả năng diễn đạt và tư duy ngôn ngữ. Việc giảng dạy hiệu quả đòi hỏi sự phối hợp giữa GV, chương trình học và tài liệu bổ trợ, hướng tới giúp HS sử dụng từ Hán Việt linh hoạt trong giao tiếp và học tập.

Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Như Ý (2003), *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018* ban hành *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*.

[3] Hoàng Trọng Canh (2007), *Từ Hán Việt*: *Tài liệu đào tạo giáo viên Tiểu học trình độ đại học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[4] Hoàng Dân, Nguyễn Văn Bảo, Trần Ngọc Ánh (2001), *Mở rộng vốn từ Hán Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[5] Đặng Đức Siêu (2001), *Dạy và học từ Hán Việt ở trường phổ thông*, NXB Giáo dục, Hà Nội.